

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/DS-ST  
Ngày: 29/01/2026  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Lệ Chi
- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Vương Triều, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 598/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 459/2025/QĐXXST-DS ngày 30/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐST-DS ngày 14/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số I đường N, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Võ Thanh D hoặc/ và bà Lại Thị Thu H; cùng địa chỉ liên hệ: 92/49/7/20, đường N, khu phố C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền ngày 22/8/2025. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Thanh M, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số A khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N và người đại diện uỷ quyền của của nguyên đơn là ông Võ Thanh D thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh N và bà Hồ Thị Thanh M là bạn bè quen biết trong làm ăn. Khoảng đầu tháng 10/2019, do bà M cần tiền để làm ăn nên có hỏi vay bà N số tiền 390.000.000 đồng. Khi vay tiền thì hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 16/10/2019,

thời hạn trả tiền vào ngày 01/9/2021, việc cho vay không có thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, trong Giấy mượn tiền thể hiện bên mượn tiền có tên của bà Hồ Thị Thanh M và ông Phan Ngọc X (chồng của bà M), nhưng khi ký tên chỉ có bà M ký và lấn tay, không có chữ ký và dấu lấn tay của ông X. Bà N xác định chỉ cho một mình bà M vay tiền, không có cho bà M và ông X vay tiền, bởi lẽ, bà N chưa bao giờ gặp mặt ông X. Đến thời hạn trả nợ theo như các bên đã thoả thuận, nhưng bà M không có trả được tiền vay cho bà N. Mãi đến đầu năm 2023, bà M mới thanh toán cho bà N với số tiền 23.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 367.000.000 đồng, thì lúc này bà M mới viết lại Bản cam kết mới, nội dung bà M cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên vào ngày 30/11/2023. Sau khi bà M viết Bản cam kết trên thì bà M đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc với bà N từ năm 2023 đến nay, mặc dù bà N đã nhiều lần gọi điện thoại, trực tiếp gặp để yêu cầu bà M thanh toán khoản nợ nhưng bà M luôn tìm cách trì hoãn, cố tình tránh né nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà N có đơn khởi kiện bà M, yêu cầu bà M có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền nợ còn lại 367.000.000 đồng. Bà N không yêu cầu bà Hồ Thị Thanh M trả tiền lãi.

*Đối với bị đơn bà Hồ Thị Thanh M:* Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà M biết để bà M đến Toà án làm việc, hoà giải, xét xử về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà M không đến Toà án và cũng không có ý kiến gửi Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có ý do.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà M đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình vay tiền, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện bị đơn bà Hồ Thị Thanh M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo kết quả xác minh của Công an phường T thì bà M có địa chỉ thường trú tại Số A khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Hồ Thị Thanh M đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử tất cả vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bị đơn tham gia hoà giải, xét xử để giải quyết vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Hồ Thị Thanh M phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

[1.4] Về người tham gia tố tụng: Giấy mượn tiền ngày 16/10/2019, Bên A: Bên mượn tiền: Hồ Thị Thanh M và ông Phan Ngọc X; Bên B: Bên cho mượn tiền: Nguyễn Thị Thanh N, tuy nhiên, chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lấn tay của Bên mượn tiền là của bà Hồ Thị Thanh M, không có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lấn tay của ông Phan Ngọc X. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn bà N xác định là bà N chỉ cho một mình bà M vay tiền, không có cho ông X vay tiền nên không yêu cầu ông X trả tiền nợ, vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa ông Phan Ngọc X tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại Giấy mượn tiền ngày 16/10/2019, Bên A: Bên mượn tiền: Hồ Thị Thanh M và ông Phan Ngọc X; Bên B: Bên cho mượn tiền: Nguyễn Thị Thanh N, tuy nhiên, chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lấn tay của Bên mượn tiền là của bà Hồ Thị Thanh M, không có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lấn tay của ông Phan Ngọc X. Theo nội dung của Giấy mượn tiền này thì bà N cho bà M vay số tiền 390.000.000 đồng, thời hạn vay là ngày 01/9/2021, vay không có lãi.

Tại Bản cam kết không đề ngày tháng năm có nội dung: “*Vào ngày tháng 10-2020, tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Thanh N ...với số tiền là 367.000.000 đồng, giờ tới ngày 30-7-2023 trả trước 10.000.000 đồng, đến ngày 30-8 trả tiếp 10.000.000 đồng, đến ngày 30-9 trả tiếp 10.000.000 đồng, đến ngày 30-10 trả tiếp 10.000.000 đồng, đến ngày 30-11 trả hết số tiền còn lại cho chị N...*”.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn bà N xác định là bà N chỉ cho một mình bà M vay tiền, không có cho ông X vay tiền và quá trình trả nợ bà H1 chỉ thanh toán cho bà N được số tiền 23.000.000 đồng, còn lại số tiền 367.000.000 đồng thì bà M viết Bản cam kết đến ngày 30/11/2023 sẽ thanh toán hết, nhưng cho đến nay bà M vẫn không thanh toán số tiền nợ còn lại cho bà N theo đúng cam kết, do đó, đòi chiếu quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến quyền lợi của bà N bị ảnh hưởng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Bà N không yêu cầu bà M trả lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Lệ phí đăng báo: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 96, 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều: 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đối với bà Hồ Thị Thanh M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Hồ Thị Thanh M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền vay nợ còn lại là 367.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh N không yêu cầu bà Hồ Thị Thanh M trả lãi chậm trả.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Thanh M phải chịu số tiền 18.350.000 đồng (Mười tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh N không phải chịu án phí. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh N số tiền 9.750.000 đồng (Chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0021417 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lệ phí đăng báo: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp, đã thực hiện xong.

4. Dương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND KV16-TP.HCM;
- VKSND KV16-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV16 - TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**